

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/ HNGĐ - ST

Ngày 16/8/2021

“V/v Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nông Hữu Thái ;

2. Ông Triệu Đình Đường.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Kim Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:** Bà Bàn Thị Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2021 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 112/2021/TLST-HNGĐ ngày 28/5/2021 về việc “*Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/QĐST-HNGĐ ngày 09/7/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/QĐST-HNGĐ ngày 29/7/2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Vy Thị D** - Sinh năm 1990;

Trú tại: Thôn Ph, xã Nh, huyện P, tỉnh B;

Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*** Bị đơn:** Anh **Hà Văn D1** - Sinh năm 1982;

Trú tại: Tổ 11B, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

Đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

*** Những người làm chứng:**

1. Bà **Hoàng Thị Kh** – SN: 1966; trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh B.

2. Bà **Hoàng Thị Th** – SN: 1972; trú tại: thôn Ph, xã Nh, huyện P, tỉnh B.

3. Chị **Đàm Thị Ngh** – SN: 1987; trú tại: Thôn Ph, xã Nh, huyện P, tỉnh B.

Đều vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, chị Vy Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hà Văn D1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 09/11/2015. Sau khi kết hôn, thì vợ chồng chị ở nhờ khu nhà tập thể của Trạm y tế xã Nh, huyện P, tỉnh B nơi chị D công tác. Quá trình chung sống, năm đầu tiên cuộc sống vợ chồng bình thường, nhưng từ một năm sau khi kết hôn đến nay cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn và cãi vã nhau, không hợp nhau, quan điểm sống và tính cách hoàn toàn trái ngược nhau. Anh D1 thường xuyên mắng chửi xúc phạm chị, có lúc còn đánh đập, gây áp lực cho chị. Nhiều lần chuyện cãi vã của hai vợ chồng chị ảnh hưởng đến mọi người ở tập thể Trạm y tế xã Nh, huyện P nơi chị D công tác. Dù đã rất nhiều lần nói chuyện với nhau và anh D1 hứa sẽ không mắng chửi xúc phạm chị, nhưng anh D1 vẫn không thay đổi. Những mâu thuẫn đó ngày càng trầm trọng, dai dẳng và kéo dài. Cuộc sống bế tắc và không hạnh phúc như vậy đã kéo dài nhiều năm nay khiến chị cảm thấy rất mệt mỏi và không thể kéo dài cuộc sống hôn nhân thêm được nữa. Nhiều tháng nay anh D1 đã bỏ đi thỉnh thoảng mới về nhưng cụ thể là đi đâu và đi trong bao lâu thì chị D không nắm được.

Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Văn D1.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 (Một) con chung là Hà Đức Tr – Sinh ngày 10/02/2016. Hiện nay con khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn, chị D có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Hà Đức Tr cho đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh D1 cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị D xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Chị D xác định vợ chồng không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Hà Văn D1: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành gửi Thông báo thụ lý vụ án đến nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh Hà Văn D1, tuy nhiên hết thời hạn đưa ra ý kiến theo Thông báo thụ lý nhưng không

thấy anh D1 có ý kiến bằng văn bản nêu quan điểm của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị D. Tòa án cũng đã gửi Giấy triệu tập, yêu cầu anh D1 đến Tòa án làm việc, tuy nhiên anh D1 không có mặt tại Tòa án để làm việc theo thời gian ghi trong Giấy triệu tập. Vì vậy Tòa án đã tiến hành làm việc với Tổ trưởng tổ 11B, phường Đ, thành phố B thì được cung cấp thông tin như sau: Anh Hà Văn D1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 11B, phường Đ, thành phố B. Tuy nhiên vài tháng gần đây anh D1 thường xuyên bỏ đi khỏi nhà, nhưng đi đâu và đi khi nào thì tổ trưởng không nắm được. Thịnh thoảng anh D1 có về nhà nhưng tổ trưởng không nắm được khi nào anh D1 về và nơi hiện nay anh D1 đang sinh sống. Do vậy, Tòa án không thể thực hiện được việc cấp, tống đạt Thông báo, văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Hà Văn D1. Tòa án đã lập biên bản xác minh và tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của anh D1 theo quy định. Quá trình giải quyết vụ án, anh D1 không đến Tòa án làm việc, không có mặt tại phiên tòa nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh D1.

Tòa án đã gặp Trưởng thôn, Chi hội trưởng Chi hội phụ nữ thôn Ph, xã Nh, huyện P, tỉnh B để xác minh tình trạng hôn nhân của chị Vy Thị D và anh Hà Văn D1. Qua trao đổi, Tòa án được cung cấp thông tin như sau: Chị Vy Thị D có đăng ký hộ khẩu thường trú và là công dân sinh sống tại thôn Ph, xã Nh, huyện P, tỉnh B. Sau khi kết hôn chị Vy Thị D và anh Hà Văn D1 có sinh sống tại khu tập thể của Trại y tế xã Nh. Trong thời gian chung sống, vợ chồng D – D1 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau, anh D1 có vài lần gây rối tại khu tập thể của Trại y tế xã Nh tuy nhiên chị D và anh D1 chưa nhờ Trưởng thôn và Chi hội phụ nữ thôn can thiệp, hòa giải và cũng chưa từng lập biên bản giải quyết tranh chấp giữa chị D với anh D1 hoặc lập biên bản về những lần anh D1 đến gây rối tại khu tập thể của Trại y tế xã Nh.

Tòa án cũng đã gặp Cán bộ phụ trách Trại y tế xã Nh, huyện P, tỉnh Bắc Kạn để xác minh tình trạng hôn nhân của chị Vy Thị D và anh Hà Văn D1 và được cung cấp thông tin như sau: Chị Vy Thị D là cán bộ làm việc tại Trại y tế xã Nh. Sau khi kết hôn với anh Hà Văn D1 thì vợ chồng chị D, anh D1 sống tại khu tập thể của Trại y tế xã Nh. Trong thời gian sinh sống tại đây, vợ chồng chị D, anh D1 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau. Anh D1 nhiều lần đến gây rối và chửi bới chị D tại khu tập thể của Trại y tế xã Nh. Tuy nhiên ban lãnh đạo Trại y tế không can thiệp và cũng không lập biên bản mà chỉ nhắc nhở chị D, anh D1 do đây là việc cá nhân của gia đình chị D. Cán bộ phụ trách Trại y tế xã Nh khẳng định mâu thuẫn giữa anh D1 và chị D là có thật và rất trầm trọng do có quá nhiều bất đồng về quan điểm sống khiến cuộc sống gia đình không hạnh phúc, rơi vào bế tắc.

Qua lấy lời khai của một số người làm chứng là mẹ đẻ của chị D và hàng xóm sống gần khu tập thể Trại y tế xã Nh thì họ đều cho biết sau khi kết hôn được một

thời gian ngắn thì vợ chồng anh D1, chị D thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh D1 ghen tuông, nghi ngờ chị D ngoại tình còn chị D cũng mất niềm tin với anh D1 nên những cuộc cãi vã giữa hai vợ chồng ngày càng nhiều và diễn ra thường xuyên, ngày càng gay gắt. Không chỉ cãi vã, chửi bới, anh D1 còn nhiều lần đánh đập chị D. Anh D1 thường xuyên đi khỏi nhà, thỉnh thoảng mới về, không chăm lo cho gia đình và con cái, không có trách nhiệm với vợ con. Theo những người làm chứng trên thì mâu thuẫn giữa vợ chồng chị D, anh D1 ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, khó có thể hàn gắn được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh B phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa trong quá trình tố tụng, xây dựng hồ sơ và tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã đảm bảo đúng quy định. Bị đơn mặc dù đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình Tòa án mở phiên tòa để xét xử, nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; những người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do vậy đề nghị HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Vy Thị D, xử cho chị Vy Thị D được ly hôn với anh Hà Văn D1.

Về con chung: Đề nghị HĐXX giao con Hà Đức Tr – Sinh ngày 10/02/2016 cho chị Vy Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Vy Thị D không yêu cầu anh Hà Văn D1 cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung: Chị D xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về nợ chung: Chị D xác định vợ chồng không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn chị Vy Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn”, bị đơn anh Hà Văn D1 có địa chỉ cư trú tại Tổ 11B, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B.

Quá trình giải quyết vụ án, chị D đã có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được là phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn mặc dù đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình Tòa án mở phiên tòa để xét xử mặc dù bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn và những người làm chứng đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vy Thị D và anh Hà Văn D1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 09/11/2015 nên xác định hôn nhân của chị D và anh D1 là hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc nhưng về sau phát sinh sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng trong sinh hoạt hàng ngày, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Vợ chồng anh chị không chỉ cãi vã, chửi bới lẫn nhau mà anh D1 còn nhiều lần đánh đập chị D. Anh D1 thường xuyên đi khỏi nhà, thỉnh thoảng mới về, không chăm lo cho gia đình và con cái, không có trách nhiệm với vợ con. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Cuộc sống bế tắc và không hạnh phúc như

vậy đã kéo dài nhiều năm nay khiến chị D cảm thấy rất mệt mỏi và không thể kéo dài cuộc sống hôn nhân thêm được nữa.

Qua lời khai của những người làm chứng và qua xác minh về tình trạng hôn nhân của chị D, anh D1, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh D1 là thực tế và ngày càng trầm trọng. Từ khi anh D1 bỏ đi, hai bên đã không còn quan tâm, liên lạc với nhau nữa, đời sống chung đã không còn và mục đích hôn nhân không đạt được, việc duy trì quan hệ hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho anh chị. Do vậy việc chị D xin ly hôn với anh D1 là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Vy Thị D và anh Hà Văn D1 có 01 (Một) con chung là Hà Đức Tr – Sinh ngày 10/02/2016. Hiện nay con Hà Đức Tr khỏe mạnh và phát triển bình thường.

Khi ly hôn, chị D có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Hà Đức Tr cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét xử xét thấy anh D1 hiện không có mặt tại nơi cư trú và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh D1 về việc giải quyết vụ án. Bản thân chị D có công việc làm và thu nhập ổn định, có điều kiện kinh tế đảm bảo cho việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc giao con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo về điều kiện nuôi dưỡng, sinh hoạt, học tập tốt cho con nên được HĐXX chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị D xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị D xác định vợ chồng không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chị Vy Thị D phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 227, 228, 229, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Vy Thị D. Chị Vy Thị D được ly hôn với anh Hà Văn D1.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Hà Đức Tr, sinh ngày 10/02/2016, con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường cho chị Vy Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Vy Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

Sau khi ly hôn, anh Hà Văn D1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp Dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

5. Về vay nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

6. Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn Vy Thị D phải chịu 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 02215 ngày 27/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Chị Vy Thị D đã nộp đủ tiền án phí.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND TP B;
- Chi cục THADS TP B;
- UBND xã Đ, h. B, t. Bắc Kạn
- (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nguyệt Thu

.